Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6212.90.19

Mã HS	6212.90.19
Mô tả hàng hóa	Xu chiêng, gen, áo nịt ngực (corset), dây đeo quần, dây móc bít tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng, được làm hoặc không được làm từ dệt kim hoặc móc / - Loại khác: / - - Từ bông: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 04:04:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/62129019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9720
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9720
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9720
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9264
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9215
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9215
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9215
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9215
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9215
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9215
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E9267
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9267
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9267
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9267
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9267
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9268
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9268
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9268
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9268
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9268
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9268
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9269
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9221
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9227
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9227
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9227
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9227
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9227
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9227
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9252
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9252
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9252
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9252
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9252
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9252
VCFTA	2022	2022	4	VC!D9298
VCFTA	2023	2023	2	VC!E9298

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9298
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9298
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9298
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9298
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9277
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9277
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9277
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9277
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9277
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9277
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D9290
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E9290
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F9290
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G9290
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H9290
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9290
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D9300
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E9300
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F9300
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9300
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9300
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9300
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D9299
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E9299
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F9299
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9299

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9299
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9299
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9246
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9246
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9246
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9246
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9246
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9246
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9246
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9284
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9284
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9284
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9284
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9284
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9284
RCEP B	2022	2022	0	B!D9284
RCEP B	2023	2023	0	B!E9284
RCEP B	2024	2024	0	B!F9284
RCEP B	2025	2025	0	B!G9284
RCEP B	2026	2026	0	B!H9284
RCEP B	2027	2027	0	B!I9284
RCEP C	2022	2022	0	C!D9284
RCEP C	2023	2023	0	C!E9284
RCEP C	2024	2024	0	C!F9284
RCEP C	2025	2025	0	C!G9284
RCEP C	2026	2026	0	C!H9284

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9284
RCEP D	2022	2022	0	D!D9283
RCEP D	2023	2023	0	D!E9283
RCEP D	2024	2024	0	D!F9283
RCEP D	2025	2025	0	D!G9283
RCEP D	2026	2026	0	D!H9283
RCEP D	2027	2027	0	D!I9283
RCEP E	2022	2022	0	E!D9287
RCEP E	2023	2023	0	E!E9287
RCEP E	2024	2024	0	E!F9287
RCEP E	2025	2025	0	E!G9287
RCEP E	2026	2026	0	E!H9287
RCEP E	2027	2027	0	E!I9287
RCEP F	2022	2022	0	F!D9284
RCEP F	2023	2023	0	F!E9284
RCEP F	2024	2024	0	F!F9284
RCEP F	2025	2025	0	F!G9284
RCEP F	2026	2026	0	F!H9284
RCEP F	2027	2027	0	F!I9284
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F8591
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G8591
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H8591
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I8591

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6212.90 có 6 dòng thuế; dòng 6212.90.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	6212.90.11 Hàng may mặc, loại có tính đàn hồi bó chặt, để điều trị mô vết sẹo và ghép da(SEN); 6212.90.12 Hàng may mặc hỗ trợ cho các môn điền kinh; 6212.90.91 Hàng may mặc, loại có tính đàn hồi bó chặt, để điều trị mô vết sẹo và ghép da(SEN); 6212.90.92 Hàng may mặc hỗ trợ cho các môn điền kinh; 6212.90.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6212.90.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6212.90.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9720), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.